

DỰ THẢO 2

THÔNG TƯ

Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng và Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018.

Thông tư này thay thế Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non và Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo TƯ;
- UBVHGDTNTNNĐ của QH;
- Cục KTrVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL, Vụ GDMN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

QUY ĐỊNH

**Về kiểm định chất lượng giáo dục
và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non**
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2017/TT-BGDĐT
ngày tháng năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, bao gồm: Tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non; quy trình đánh giá trường mầm non; công nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục; công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

2. Văn bản này áp dụng đối với trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ (sau đây gọi chung là trường mầm non) thuộc các loại hình trong hệ thống giáo dục quốc dân; tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chất lượng của trường mầm non* là sự đáp ứng mục tiêu do trường mầm non đề ra, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục của Luật Giáo dục, phù hợp với yêu cầu cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

2. *Đánh giá chất lượng trường mầm non* là việc thu thập, xử lý thông tin, đưa ra những nhận định dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá đối với toàn bộ các hoạt động của trường mầm non.

3. *Kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non và công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia* là hoạt động đánh giá và công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

4. *Tự đánh giá* là quá trình cơ sở giáo dục tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để báo cáo về thực trạng chất lượng, hiệu quả các hoạt động, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác để trường mầm non điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn trường mầm non.

5. *Đánh giá ngoài* là quá trình khảo sát, đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để xác định các mức trường mầm non đạt các tiêu chuẩn đánh giá.

6. *Tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non* là các yêu cầu mà trường mầm non phải đáp ứng để đảm bảo chất lượng các hoạt động. Mỗi tiêu chuẩn ứng với lĩnh vực hoạt động của trường mầm non; trong mỗi tiêu chuẩn có các tiêu chí.

7. *Tiêu chí đánh giá trường mầm non* là yêu cầu đối với trường mầm non trong từng nội dung cụ thể của mỗi tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí có các chỉ báo.

8. *Chỉ báo đánh giá trường mầm non* là yêu cầu đối với trường mầm non trong từng nội dung cụ thể của mỗi tiêu chí.

Điều 3. Mục đích kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non

1. Kiểm định chất lượng giáo dục nhằm giúp trường mầm non xác định đạt các mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của trường mầm non; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia nhằm lập kế hoạch đầu tư các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho trường mầm non không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Điều 4. Nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non

1. Độc lập, khách quan, đúng pháp luật.
2. Trung thực, công khai, minh bạch.

Điều 5. Quy trình kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non

1. Quy trình kiểm định chất lượng giáo dục và quy trình công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non được thực hiện theo các bước:

- a) Tự đánh giá;
- b) Đăng ký đánh giá ngoài;
- c) Đánh giá ngoài;
- d) Công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Điều 6. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non

1. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non là 05 (năm) năm, tính từ thời gian ký quyết định cấp Bằng chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục và Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia.

2. Trường mầm non được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1, Cấp độ 2, Cấp độ 3, được quy định tại khoản 2 Điều 33 của Quy định này, sau ít nhất 02 (hai) năm học kể từ ngày được công nhận, trường được đăng ký đánh giá ngoài để công nhận đạt cấp độ cao hơn.

3. Trường mầm non được công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 quy định tại khoản 2 Điều 37 của Quy định này, sau ít nhất 02 (hai) năm kể từ ngày được công nhận, được đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

Điều 7. Các mức đánh giá trường mầm non

1. Trường mầm non được đánh giá theo các mức sau:

a) Trường mầm non đạt yêu cầu gồm:

- Mức 1: Đáp ứng Tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non quy định tại Mục 1, Chương II của Quy định này;

- Mức 2: Đáp ứng Tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non quy định tại Mục 2, Chương II của Quy định này;

- Mức 3: Đáp ứng Tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non quy định tại Mục 3, Chương II của Quy định này;

- Mức 4: Đáp ứng các yêu cầu nâng cao đối với trường mầm non quy định tại Mục 4, Chương II của Quy định này.

b) Trường mầm non không đạt yêu cầu là trường không đạt Mức 1 tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Tiêu chí đánh giá trường mầm non được công nhận đạt yêu cầu khi tất cả các chỉ báo trong tiêu chí đạt yêu cầu. Chỉ báo được công nhận đạt yêu cầu khi tất cả các yêu cầu (nội hàm) của chỉ báo đạt yêu cầu.

Chương II

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG MẦM NON

Mục 1

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT MỨC 1

Điều 8. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

1. Tiêu chí 1.1: Hội đồng trường và các hội đồng khác

a) Được thành lập theo quy định của Điều lệ trường mầm non;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non;

c) Rà soát, đánh giá các hoạt động ngay sau mỗi học kỳ.

2. Tiêu chí 1.2: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các đoàn thể

a) Có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định hiện hành;

c) Định kỳ rà soát và đánh giá các hoạt động.

3. Tiêu chí 1.3: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng

a) Có hiệu trưởng và số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường mầm non;

c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

4. Tiêu chí 1.4: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

a) Số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định của Điều lệ trường mầm non;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi;

c) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày.

5. Tiêu chí 1.5: Quản lý hành chính, tài chính, cơ sở vật chất

a) Có đủ hệ thống các văn bản chỉ đạo hoạt động chuyên môn, hoạt động quản lý và hoạt động giáo dục của nhà trường. Cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo hoạt động của ngành và các hoạt động phối hợp liên ngành; lưu trữ đầy đủ, khoa học hồ sơ, văn bản theo quy định của Luật Lưu trữ;

b) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất đúng hạn, đúng yêu cầu;

c) Quản lý, sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả tài chính, cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

6. Tiêu chí 1.6: Quản lý các hoạt động giáo dục

a) Có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học phù hợp với điều kiện của nhà trường, thực tiễn địa phương và theo sự chỉ đạo của ngành;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng và tiến độ;

c) Định kỳ kiểm tra, đánh giá hiệu quả của các hoạt động chuyên môn và có biện pháp điều chỉnh phù hợp.

7. Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên

a) Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với chuyên môn, năng lực của từng người; đảm bảo hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

8. Tiêu chí 1.8: Thực hiện Quy chế dân chủ

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong nhà trường theo quy định, được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định;

b) Các khiếu nại, tố cáo (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết kịp thời và đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

9. Tiêu chí 1.9: Đảm bảo an toàn trường học

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm trong nhà trường;

b) Đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, bạo lực trong nhà trường.

Điều 9. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

1. Tiêu chí 2.1: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Hằng năm được đánh giá theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non và đạt loại trung bình trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, quản lý giáo dục và chính trị theo quy định.

2. Tiêu chí 2.2: Giáo viên

a) Số lượng giáo viên đảm bảo theo quy định hiện hành;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên; hằng năm, giáo viên được đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, trong 05 năm liền kể có ít nhất 95% giáo viên đạt loại trung bình trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

c) Năng lực chuyên môn của giáo viên đáp ứng nhiệm vụ được giao.

3. Tiêu chí 2.3: Nhân viên

a) Số lượng nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí công việc được phân công;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Điều 10. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất

1. Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

- a) Diện tích sử dụng đất (sàn) bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non;
- b) Khuôn viên có cổng, biển tên trường, có tường hoặc rào bao quanh, đảm bảo an toàn cho trẻ;
- c) Có sân chơi của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường và đảm bảo an toàn cho trẻ.

2. Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

- a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi; có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng vệ sinh theo quy định. Có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ;
- b) Có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo theo quy định;
- c) Thiết bị trong khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo quy cách, đúng theo quy định.

3. Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính quản trị

- a) Có các loại phòng đáp ứng nhu cầu tối thiểu về các hoạt động liên quan đến hành chính, quản trị;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Có khu vệ sinh và khu vực để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

4. Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

- a) Khu vực nhà bếp được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm có phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

5. Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

- a) Có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo các nhóm lớp quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non;
- b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;
- c) Được sửa chữa, thay thế, bổ sung hằng năm.

Điều 11. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

1. Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

- a) Được thành lập theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học; thực hiện nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm đúng theo quy định;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hiệu quả, đúng tiến độ.

2. Tiêu chí 4.2: Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân ở địa phương

- a) Chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường;
- b) Truyền thông để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về mục tiêu và kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- c) Huy động và sử dụng có hiệu quả, đúng theo quy định các nguồn lực tự nguyện của các tổ chức, cá nhân.

Điều 12. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

1. Tiêu chí 5.1: Chương trình giáo dục

- a) Chương trình giáo dục của nhà trường được phát triển trên cơ sở Chương trình Giáo dục mầm non đảm bảo mục tiêu và phù hợp với điều kiện nhà trường, văn hóa địa phương, nhu cầu và khả năng của trẻ;
- b) Tổ chức thực hiện Chương trình đảm bảo chất lượng, tiến độ;
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục và có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

2. Tiêu chí 5.2: Phương pháp giáo dục

- a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp trong Chương trình Giáo dục mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm;
- b) Tăng cường cơ hội trải nghiệm, khám phá, định hướng các hoạt động giáo dục cho trẻ;
- c) Có phương pháp giáo dục phù hợp với từng độ tuổi của trẻ.

3. Tiêu chí 5.3: Trẻ phát triển về thể chất phù hợp với độ tuổi

- a) Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường.
- b) Có một số tố chất vận động và thực hiện được vận động cơ bản đối với nhà trẻ; thực hiện được các vận động cơ bản, có khả năng phối hợp các giác quan và vận động đối với mẫu giáo;
- c) Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân; đối với mẫu giáo có kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe.

4. Tiêu chí 5.4: Trẻ phát triển về nhận thức phù hợp với độ tuổi

- a) Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh;

b) Biết quan sát, có sự phản ứng của các giác quan đối với nhà trẻ; có khả năng ghi nhớ, so sánh, phán đoán, phát hiện và giải quyết vấn đề đối với mẫu giáo;

c) Có hiểu biết ban đầu về bản thân, các hiện tượng xung quanh và biết nhận xét ghi nhớ, diễn đạt bằng những câu nói đơn giản đối với nhà trẻ; có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật và một số khái niệm đối với mẫu giáo.

5. Tiêu chí 5.5: Trẻ phát triển về ngôn ngữ phù hợp với độ tuổi

a) Nghe hiểu, biết hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ trong giao tiếp hằng ngày;

b) Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết, tình cảm, thái độ bằng lời nói;

c) Cảm nhận được nhịp điệu của câu thơ, bài hát đối với nhà trẻ; biết kết hợp cử chỉ, hành động và lời nói trong giao tiếp đối với mẫu giáo.

6. Tiêu chí 5.6: Trẻ phát triển về thẩm mỹ phù hợp với độ tuổi

a) Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc đối với nhà trẻ; chủ động, tích cực, hứng thú tham gia các hoạt động văn nghệ đối với mẫu giáo;

b) Có một số kỹ năng cơ bản trong hoạt động âm nhạc và tạo hình;

c) Có khả năng cảm nhận và thể hiện cảm xúc trong các hoạt động âm nhạc và tạo hình.

7. Tiêu chí 5.7: Trẻ phát triển về tình cảm và kỹ năng xã hội phù hợp với độ tuổi

a) Tự tin, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân;

b) Thân thiện, chia sẻ, hợp tác với bạn bè trong các hoạt động sinh hoạt, vui chơi, học tập;

c) Mạnh dạn trong giao tiếp với những người xung quanh, lễ phép với người lớn.

8. Tiêu chí 5.8: Kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) Trẻ được kiểm tra sức khỏe vào đầu năm học để đánh giá tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe; đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng, theo dõi sự phát triển thể lực cho trẻ theo quy định;

c) Có biện pháp phù hợp để chăm sóc nuôi dưỡng đối với trẻ có nhu cầu đặc biệt (trẻ bị suy dinh dưỡng, thừa cân, khuyết tật).

9. Tiêu chí 5.9: Kết quả giáo dục

a) Có ít nhất 98% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non;

b) Tỷ lệ chuyên cần của trẻ đạt ít nhất 90% trở lên đối với trẻ 5 tuổi, 85% trở lên đối với trẻ ở các độ tuổi khác; đối với miền núi, vùng sâu vùng xa, hải đảo tỷ lệ chuyên cần của trẻ đạt ít nhất 85% trở lên đối với trẻ 5 tuổi, 80% trở lên đối với trẻ ở các độ tuổi khác;

c) Trẻ có nhu cầu đặc biệt (trẻ bị suy dinh dưỡng, thừa cân, khuyết tật) được can thiệp bằng các biện pháp giáo dục phù hợp nhằm cải thiện tình trạng về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội; ít nhất 80% trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ.

Mục 2

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT MỨC 2

Đạt các yêu cầu quy định tại Mục 1, Chương II của Quy định này, bổ sung các yêu cầu sau:

Điều 13. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

1. Tiêu chí 1.1: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Hội đồng trường có kế hoạch hoạt động, hoạt động có hiệu quả thiết thực góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng nền nếp kỷ cương của nhà trường. Thực hiện tốt công tác giám sát các hoạt động của nhà trường, các nghị quyết, quy chế của nhà trường đã ban hành.

2. Tiêu chí 1.3: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng

a) Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 02 (hai) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả trong chăm sóc giáo dục trẻ;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng định kỳ được rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

3. Tiêu chí 1.4: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

a) Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non;

b) 100% nhóm trẻ và lớp mẫu giáo được học 02 buổi trên ngày và ăn bán trú.

4. Tiêu chí 1.5: Quản lý hành chính, tài chính, cơ sở vật chất

a) Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, tài chính, tài sản;

b) Xây dựng được quy chế chi tiêu nội bộ; trong 05 năm liên tục không có vi phạm liên quan đến việc thu, chi các nguồn tài chính theo kết luận của thanh tra, kiểm toán nhà nước; quy chế chi tiêu nội bộ được được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành.

5. Tiêu chí 1.6: Quản lý hoạt động giáo dục

Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường đạt hiệu quả cao, được cha mẹ trẻ và xã hội ghi nhận.

6. Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên

a) Có quy hoạch phát triển đội ngũ, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp để tăng số lượng, chất lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo;

b) Tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc chương trình bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng hè, bồi dưỡng chuyên đề theo quy định và tham gia đầy đủ các hoạt động chuyên môn, chuyên đề, hoạt động xã hội do trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức.

7. Tiêu chí 1.8. Thực hiện Quy chế dân chủ

Có biện pháp và cơ chế giám sát hiệu quả khi thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường.

8. Tiêu chí 1.9: Đảm bảo an toàn trường học

a) Có bộ phận bảo vệ; thiết bị phòng cháy chữa cháy được trang bị ở các khu vực;

b) 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tập huấn đầy đủ về phòng chống tai nạn thương tích.

Điều 14. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

1. Tiêu chí 2.1: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

a) Có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn; được cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và nhân dân địa phương tín nhiệm;

b) Trong 05 (năm) năm liền kê có ít nhất 03 (ba) năm được đánh giá đạt từ loại khá trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non và hằng năm đạt danh hiệu lao động tiên tiến trở lên;

c) Được bồi dưỡng lý luận chính trị theo quy định.

2. Tiêu chí 2.2: Giáo viên

a) Có ít nhất 40% giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo (miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo ít nhất là 20%);

b) Hằng năm, có ít nhất 50% số giáo viên đạt loại khá trở lên theo quy định của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; không có cán bộ, giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, không có giáo viên yếu kém về chuyên môn nghiệp vụ;

c) Có khả năng ứng dụng được công nghệ thông tin trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

3. Tiêu chí 2.3: Nhân viên

a) Được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm;

b) Hằng năm, có ít nhất 70% số nhân viên đạt danh hiệu lao động tiên tiến; không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, không có nhân viên yếu kém về chuyên môn nghiệp vụ. Nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 15. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất

1. Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

a) Công trình tại các điểm trường được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố; có nguồn nước sạch và hệ thống thoát nước hợp vệ sinh;

b) Diện tích sân chơi được quy hoạch, thiết kế phù hợp; có cây xanh, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp, tạo bóng mát sân trường; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi được lát gạch (hoặc láng xi măng) và trồng thảm cỏ, có ít nhất 5 loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và được sử dụng thường xuyên; sân vườn thường xuyên sạch sẽ, có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

2. Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

a) Phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích trung bình cho một trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; trang thiết bị cho giáo viên và trẻ đủ theo quy định; sắp xếp môi trường trong nhóm, lớp tạo hứng thú cho trẻ khi tham gia các hoạt động; phòng ngủ đảm bảo diện tích trung bình cho một trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; có đầy đủ các đồ dùng phục vụ trẻ ngủ;

b) Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật có diện tích tối thiểu theo quy định, có các thiết bị, đồ dùng phù hợp với hoạt động phát triển thẩm mỹ và thể chất của trẻ;

c) Phòng vệ sinh đảm bảo diện tích trung bình cho một trẻ và các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được xây khép kín hoặc gắn với nhóm lớp, thuận tiện cho trẻ sử dụng, trung bình 10 trẻ có 01 bồn cầu vệ sinh; chỗ đi tiêu, đi tiểu được ngăn cách bằng vách ngăn lửng cao 1,2m; đối với trẻ nhà trẻ dưới 24 tháng trung bình 04 trẻ có 01 ghế ngồi bô; có đủ nước sạch, bồn rửa tay có vòi nước và xà phòng rửa tay; các thiết bị vệ sinh bằng men sứ, kích thước phù hợp với trẻ. Hiên chơi (vừa có thể là nơi tổ chức ăn trưa cho trẻ) thuận tiện cho các sinh hoạt của trẻ khi mưa, nắng; đảm bảo quy cách và diện tích trung bình cho một trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; lan can của hiên chơi có khoảng cách giữa các thanh gióng đứng không quá 0,1m.

3. Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính quản trị

a) Có đủ các loại phòng theo quy định hiện hành. Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng và phòng các phó hiệu trưởng có diện tích và các phương tiện làm việc đúng theo quy định;

b) Phòng hành chính quản trị có diện tích tối thiểu 15m², có máy vi tính và các phương tiện làm việc; phòng y tế có diện tích tối thiểu 12m², có các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ, có bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì, có bảng kế hoạch theo dõi tiêm phòng và khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, có tranh ảnh tuyên

truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ; phòng bảo vệ, thường trực có diện tích tối thiểu 6m², có bàn ghế, đồng hồ, bảng, sổ theo dõi khách; phòng dành cho nhân viên có diện tích tối thiểu 16m², có tủ để đồ dùng cá nhân;

c) Khu vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên có diện tích theo quy định, có đủ nước sử dụng, có bồn rửa tay; khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên đảm bảo an toàn, tiện lợi.

4. Tiêu chí 3.4: Khôi phòng tổ chức ăn

Có bếp ăn bán trú đảm bảo diện tích trung bình cho một trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non được xây dựng theo quy trình vận hành một chiều.

Điều 16. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

1. Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Thực hiện hiệu quả Quy chế phối hợp để tham gia cùng nhà trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

2. Tiêu chí 4.2: Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân ở địa phương

a) Tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia và giám sát các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, nhằm thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Phối hợp với gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ và tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được vui chơi, học tập; đảm bảo mối liên hệ thường xuyên giữa nhà trường, giáo viên và gia đình thông qua các cuộc họp phụ huynh, trao đổi trực tiếp hoặc các hình thức khác để giúp trẻ phát triển;

c) Nhà trường chủ trì, phối hợp với các lực lượng trong cộng đồng và gia đình để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch đề ra, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Điều 17. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

1. Tiêu chí 5.8: Kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng

a) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn;

b) Trẻ khỏe mạnh, phát triển bình thường; 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe vào đầu năm học để đánh giá tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ theo quy định; ít nhất 90% trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ;

c) 100% trẻ có nhu cầu đặc biệt (trẻ bị suy dinh dưỡng, thừa cân, khuyết tật) được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp.

2. Tiêu chí 5.9: Kết quả giáo dục

a) Tỷ lệ chuyên cần của trẻ đạt ít nhất 95% trở lên đối với trẻ 5 tuổi, 90% trở lên đối với trẻ ở các độ tuổi khác; đối với miền núi, vùng sâu vùng xa, hải đảo đạt ít nhất 90% trở lên đối với trẻ 5 tuổi, 85% trở lên đối với trẻ ở các độ tuổi khác;

b) Trẻ được theo dõi và đánh giá thường xuyên theo quy định làm cơ sở cho việc xây dựng và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ.

Mục 3

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT MỨC 3

Đạt các yêu cầu quy định tại Mục 2, Chương II của Quy định này, bổ sung các yêu cầu sau:

Điều 18. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

1. Tiêu chí 2.1: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

a) Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non; sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn; có đủ năng lực để triển khai các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ;

b) Hằng năm được đánh giá đạt từ khá trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non. Có các biện pháp cụ thể duy trì và phát triển được năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

2. Tiêu chí 2.2: Giáo viên

a) Có ít nhất 70% số giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo (đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo là 50 %); 80% giáo viên được dự giờ tổ chức các hoạt động cho trẻ được đánh giá đạt loại khá trở lên không có giáo viên yếu kém;

b) Hằng năm, có ít nhất 70% số giáo viên đạt danh hiệu lao động tiên tiến; ít nhất 70% số giáo viên đạt loại khá trở lên theo quy định của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; mỗi giáo viên có kế hoạch phấn đấu sau khi được đánh giá, xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và được lưu trong hồ sơ cá nhân;

c) Mỗi giáo viên có báo cáo cải tiến đổi mới phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ trong từng năm học; có kế hoạch, có kiến thức và kỹ năng chăm sóc, giáo dục riêng cho trẻ bị suy dinh dưỡng, trẻ tự kỷ, trẻ khuyết tật (nếu có).

3. Tiêu chí 2.3: Nhân viên

a) Được phân công nhiệm vụ theo đúng chuyên môn;

b) Nhà trường có lộ trình phù hợp việc đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn trình độ đào tạo cho nhân viên.

Điều 19. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất

1. Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

a) Sân vườn có ít nhất 10 loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

b) Có khu vui chơi và sân khấu ngoài trời.

2. Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

a) Phòng sinh hoạt chung và phòng ngủ được lắp camera để thuận tiện cho công tác quản lý, được trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện đại cho trẻ hoạt động; có hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu; có hệ thống đèn, điều hòa, quạt đảm bảo chất lượng tốt;

b) Có phòng ngủ riêng đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông; giường, phản, chiếu, đệm, chăn, gối, màn, quạt đảm bảo phù hợp với khí hậu từng miền đáp ứng được nhu cầu của trẻ; tủ, kệ, giá đựng các đồ dùng phục vụ trẻ em ngủ đảm bảo đúng quy cách, được sắp xếp hợp lý, thuận tiện khi sử dụng.

3. Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính quản trị

a) Có hội trường diện tích tối thiểu 70m² phục vụ các hoạt động ngày hội, ngày lễ; có thể kết hợp là nơi trưng bày hiện vật truyền thống, lưu niệm, tranh ảnh, đồ dùng, đồ chơi tự làm của nhà trường;

b) Có phòng vi tính, diện tích tối thiểu 40m², có đủ số lượng máy vi tính phục vụ cho hoạt động dạy và học, đảm bảo chất lượng tốt, được sử dụng thường xuyên; được kết nối internet, có các thiết bị công nghệ thông tin phù hợp, phục vụ các hoạt động vui chơi, học tập của trẻ;

c) Nhà để xe cho cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che. Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

4. Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Bếp ăn của nhà trường được cơ quan chức năng kiểm tra định kỳ và cấp giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm.

Điều 20. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ

1. Tiêu chí 5.1: Chương trình giáo dục

a) Thực hiện các phân tích có hệ thống về hiệu quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và sử dụng các kết quả để đánh giá sự phát triển của trẻ;

b) Xây dựng và thực hiện một hệ thống đánh giá toàn diện để đánh giá sự tiến bộ trong việc đạt được những mong đợi đã được thiết lập trong Chương trình giáo dục.

2. Tiêu chí 5.8: Kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng

a) Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường đảm bảo cân đối, đa dạng, hợp lý, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định;

c) Nhà trường phối hợp với gia đình trong việc xây dựng chế độ dinh dưỡng hàng ngày giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất.

3. Tiêu chí 5.9: Kết quả giáo dục

a) 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non;

b) Tỷ lệ chuyên cần của trẻ đạt ít nhất 98% trở lên đối với trẻ 5 tuổi, 95% trở lên đối với trẻ ở các độ tuổi khác; đối với miền núi, vùng sâu vùng xa, hải đảo đạt ít nhất 95% trở lên đối với trẻ 5 tuổi, 90% trở lên đối với trẻ ở các độ tuổi khác;

c) Trẻ phát triển tốt về thể chất, về nhận thức, về ngôn ngữ, thẩm mỹ, và tình cảm kỹ năng xã hội, đảm bảo an toàn tuyệt đối theo mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non. Trẻ có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường; giữ gìn vệ sinh cá nhân; quan tâm chăm sóc, bảo vệ cây xanh, vật nuôi; có ý thức chấp hành quy định về an toàn giao thông. Trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt tối thiểu 85% các chỉ báo theo yêu cầu bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi. Phát hiện và tạo điều kiện phát triển năng khiếu của trẻ; phát hiện sớm trẻ có khó khăn trong phát triển, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

Mục 4

CÁC YÊU CẦU NÂNG CAO ĐỐI VỚI TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT MỨC 4

Điều 21. Các yêu cầu nâng cao đối với trường mầm non đạt Mức 4

Đạt các yêu cầu quy định tại Mục 3, Chương II của Quy định này, bổ sung các yêu cầu sau:

1. Cấu trúc, nội dung chương trình giáo dục của nhà trường được xây dựng và thực hiện có sự tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới. Chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển về nhận thức, thể chất, thẩm mỹ, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện của nhà trường.

2. Có không quá 02 điểm trường và được đặt tại trung tâm khu dân cư; tỷ lệ huy động trẻ đến trường theo chỉ tiêu hằng năm của cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Xã/phường đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trong 05 năm liên tục.

3. Nhà trường có sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi đảm bảo yêu cầu về: Diện tích đạt chuẩn, có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường; có đủ các loại đồ chơi ngoài trời tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, đảm bảo an toàn, phù hợp với trẻ.

4. Thư viện của nhà trường có diện tích theo quy định, được trang bị đầu sách đa dạng, phong phú, được sắp xếp theo chủ đề giúp trẻ có nhiều cơ hội hơn để làm quen với sách.

5. Có phòng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc. Phòng học có đầy đủ các trang thiết bị như máy tính, đàn Oóc-gan, ti vi, đầu video phục vụ dạy và học. Máy vi tính có cấu hình phù hợp, được cài đặt sẵn các phần

mềm dành cho lứa tuổi mẫu giáo, giúp trẻ phát triển tư duy và các kỹ năng học tập trên máy.

6. Nhà trường có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ.

7. Đảm bảo tỷ lệ giáo viên trên trẻ cao hơn so với quy định. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được sứ mạng, mục tiêu phát triển của nhà trường và mong đợi của cha mẹ trẻ, được cộng đồng ghi nhận.

8. Trong 05 năm liền kề trước khi được đánh giá, có ít nhất 03 năm nhà trường có kết quả giáo dục, lĩnh vực thi đua - khen thưởng xếp thứ nhất so với các nhà trường trong huyện/quận và được các cấp có thẩm quyền, các tổ chức xã hội, cộng đồng ghi nhận.

9. Có đánh giá hằng năm về hiệu quả và tác động của quá trình cải tiến chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Chương III

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG MẦM NON

Mục 1

TỰ ĐÁNH GIÁ

Điều 22. Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá của trường mầm non gồm các bước sau:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Điều 23. Hội đồng tự đánh giá

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá của trường mầm non. Hội đồng tự đánh giá có ít nhất 05 thành viên.

2. Thành phần của hội đồng tự đánh giá:

a) Chủ tịch hội đồng tự đánh giá là hiệu trưởng trường mầm non;

b) Phó chủ tịch hội đồng tự đánh giá là phó hiệu trưởng trường mầm non;

c) Thư ký hội đồng tự đánh giá là thư ký hội đồng nhà trường hoặc tổ trưởng tổ văn phòng hoặc tổ trưởng tổ chuyên môn của trường mầm non;

d) Các thành viên khác: Đại diện hội đồng trường đối với trường công lập hoặc hội đồng quản trị đối với trường tư thục; tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng; đại diện cấp ủy Đảng và các tổ chức đoàn thể.

Điều 24. Nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng tự đánh giá

1. Tổ chức triển khai tự đánh giá và tư vấn cho hiệu trưởng các biện pháp duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

2. Lập kế hoạch tự đánh giá; thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng; viết báo cáo tự đánh giá; bổ sung, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá khi cơ quan quản lý trực tiếp yêu cầu; công bố báo cáo tự đánh giá; lưu trữ cơ sở dữ liệu về tự đánh giá của nhà trường.

3. Thư ký hội đồng, các ủy viên hội đồng thực hiện công việc do chủ tịch hội đồng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được giao.

4. Chủ tịch hội đồng điều hành các hoạt động của hội đồng, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; phê duyệt kế hoạch tự đánh giá; thành lập nhóm thư ký và các nhóm công tác để triển khai tự đánh giá; chỉ đạo quá trình thu thập, xử lý, phân tích minh chứng; hoàn thiện báo cáo tự đánh giá; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá.

5. Phó chủ tịch hội đồng thực hiện các nhiệm vụ do chủ tịch hội đồng phân công, điều hành hội đồng khi được chủ tịch hội đồng ủy quyền.

6. Được thuê chuyên gia tư vấn để giúp hội đồng triển khai tự đánh giá. Chuyên gia tư vấn phải có hiểu biết sâu về đánh giá chất lượng và các kỹ thuật tự đánh giá.

Mục 2

ĐĂNG KÝ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Điều 25. Hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài của trường mầm non

Hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài của trường mầm non gồm:

1. Công văn đăng ký đánh giá ngoài.
2. Báo cáo tự đánh giá (2 bản).

Điều 26. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài của trường mầm non

1. Phòng giáo dục và đào tạo các huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là phòng giáo dục và đào tạo) có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài của trường mầm non thuộc quyền quản lý, thông tin cho trường mầm non biết hồ sơ được chấp nhận hoặc yêu cầu tiếp tục hoàn thiện;

b) Gửi hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài của trường mầm non đã có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện về sở giáo dục và đào tạo.

2. Sở giáo dục và đào tạo có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài từ các phòng giáo dục và đào tạo và thông tin cho phòng giáo dục và đào tạo biết hồ sơ được chấp nhận để đánh giá ngoài hoặc yêu cầu tiếp tục hoàn thiện;

b) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài từ các trường mầm non thuộc quyền quản lý và thông tin cho các trường mầm non biết hồ sơ được chấp nhận để đánh giá ngoài hoặc yêu cầu tiếp tục hoàn thiện.

Mục 3

ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Điều 27. Quy trình đánh giá ngoài của trường mầm non

Quy trình đánh giá ngoài trường mầm non gồm các bước sau:

1. Nghiên cứu hồ sơ đánh giá.
2. Khảo sát sơ bộ tại trường mầm non.
3. Khảo sát chính thức tại trường mầm non.
4. Dự thảo báo cáo đánh giá ngoài.
5. Lấy ý kiến phản hồi của trường mầm non về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài.
6. Hoàn thiện báo cáo đánh giá ngoài.

Điều 28. Đoàn đánh giá ngoài đối với trường mầm non đề nghị công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

1. Giám đốc sở giáo dục và đào tạo ra quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài trường mầm non. Đoàn đánh giá ngoài có từ 5 đến 7 thành viên.

2. Thành phần đoàn đánh giá ngoài gồm:

a) Trưởng đoàn là lãnh đạo sở giáo dục và đào tạo; trưởng phòng, phó trưởng phòng các phòng chức năng của sở giáo dục và đào tạo; trưởng phòng, phó trưởng phòng giáo dục và đào tạo; hoặc trưởng khoa, phó trưởng khoa liên quan đến mầm non của trường sư phạm thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng trường mầm non;

b) Thư ký và các thành viên của đoàn là cán bộ, chuyên viên của sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo; đại diện công đoàn ngành giáo dục và đào tạo; giảng viên, giáo viên liên quan đến mầm non của trường sư phạm thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cán bộ quản lý, giáo viên của các trường mầm non.

3. Tiêu chuẩn của các thành viên đoàn đánh giá ngoài: trung thực, khách quan; trước đây và hiện tại không làm việc tại trường mầm non được đánh giá ngoài; có ít nhất 05 (năm) năm công tác trong ngành giáo dục; đã hoàn thành chương trình đào tạo, tập huấn về đánh giá ngoài do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức và được bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ.

Điều 29. Đoàn đánh giá ngoài đối với trường mầm non đề nghị công nhận đạt chuẩn quốc gia, hoặc đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Giám đốc sở giáo dục và đào tạo được ủy quyền ra quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài trường mầm non. Đoàn đánh giá ngoài có ít nhất 7 thành viên.

2. Thành phần đoàn đánh giá ngoài gồm:

a) Trưởng đoàn là lãnh đạo sở giáo dục và đào tạo; trưởng phòng, phó trưởng phòng các phòng chức năng của sở giáo dục và đào tạo; hoặc trưởng khoa, phó trưởng khoa liên quan đến mầm non của trường sư phạm thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Thư ký là trưởng phòng, phó trưởng phòng các phòng chức năng của sở giáo dục và đào tạo;

c) Các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài là đại diện một số sở, ban, ngành có liên quan; đại diện công đoàn ngành giáo dục và đào tạo; cán bộ, chuyên viên của sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo; giảng viên, giáo viên liên quan đến mầm non của trường sư phạm thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cán bộ quản lý, giáo viên của các trường mầm non.

3. Tiêu chuẩn của các thành viên đoàn đánh giá ngoài:

a) Đối với các thành viên trong ngành giáo dục và đào tạo phải đạt các tiêu chuẩn được quy định tại khoản 3 Điều 28 của Quy định này;

b) Đối với các thành viên thuộc các sở, ban, ngành có liên quan: trung thực, khách quan; đang phụ trách lĩnh vực công tác liên quan trực tiếp đến ngành giáo dục và đào tạo.

Điều 30. Nhiệm vụ của đoàn đánh giá ngoài

1. Đoàn đánh giá ngoài có nhiệm vụ khảo sát, đánh giá và xác định trường mầm non đáp ứng các mức từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non; tư vấn, khuyến nghị các biện pháp đảm bảo và nâng cao chất lượng đối với nhà

trường; đề nghị công nhận hoặc không công nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục và trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

2. Trường đoàn điều hành các hoạt động của đoàn đánh giá ngoài theo quy trình đánh giá ngoài.

3. Thư ký giúp trưởng đoàn triển khai các hoạt động đánh giá ngoài.

4. Các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ do trưởng đoàn phân công.

5. Đoàn đánh giá ngoài phải giữ bí mật các thông tin liên quan đến nội dung công việc và kết quả đánh giá trước khi thông báo kết quả đánh giá ngoài cho trường mầm non.

Điều 31. Chế độ của các thành viên đoàn đánh giá ngoài

Thành viên đoàn đánh giá ngoài được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 32. Thông báo kết quả đánh giá ngoài

1. Dự thảo báo cáo đánh giá ngoài phải gửi cho trường mầm non được đánh giá ngoài để tham khảo ý kiến. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo đánh giá ngoài, nếu trường mầm non không có ý kiến phản hồi thì xem như đã đồng ý.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến phản hồi của trường mầm non được đánh giá ngoài, đoàn đánh giá ngoài có văn bản thông báo cho trường mầm non biết những ý kiến tiếp thu hoặc bảo lưu. Trường hợp bảo lưu ý kiến, văn bản phải nêu rõ lý do.

Chương IV

CÔNG NHẬN TRƯỜNG MẦM NON

ĐẠT KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ CẤP BẰNG

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Điều 33. Công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục

1. Trường mầm non được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục khi có đủ các điều kiện sau:

a) Hoạt động giáo dục ít nhất 03 (ba) năm;

b) Có kết quả đánh giá ngoài đánh giá đạt từ Mức 1 trở lên theo quy định tại Điều 7 của Quy định này.

2. Trường mầm non được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục theo 04 (bốn) cấp độ sau:

- a) Đạt kiểm định chất lượng Cấp độ 1: Trường được đánh giá đạt Mức 1;
- b) Đạt kiểm định chất lượng Cấp độ 2: Trường được đánh giá đạt Mức 2;
- c) Đạt kiểm định chất lượng Cấp độ 3: Trường được đánh giá đạt Mức 3;
- d) Đạt kiểm định chất lượng Cấp độ 4: Trường được đánh giá đạt Mức 4.

Điều 34. Hồ sơ công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

Hồ sơ công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục gồm:

1. Công văn đăng ký đánh giá ngoài.
2. Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn đánh giá ngoài.

Điều 35. Cấp bằng chứng nhận chất lượng giáo dục và công bố kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

1. Căn cứ kết quả đánh giá ngoài, trong thời hạn 20 ngày làm việc, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo ra quyết định cấp Bằng chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục. Mẫu Bằng chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục theo Phụ lục I của Quy định này.

2. Bằng chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục có giá trị 05 (năm) năm. Ít nhất 9 tháng trước thời hạn hết giá trị của Bằng chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục, trường mầm non thực hiện lại quy trình đánh giá quy định tại Điều 22 của Quy định này để được công nhận lại. Việc công nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục và hồ sơ công nhận lại thực hiện theo Điều 33 và Điều 34 của Quy định này.

3. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của trường mầm non được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của sở giáo dục và đào tạo.

Điều 36. Thu hồi bằng chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục

1. Trường hợp bằng chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục còn thời hạn mà trường mầm non không còn đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá thì bằng chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục bị thu hồi.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi có kết luận của cơ quan quản lý giáo dục khẳng định trường mầm non không còn đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo ra quyết định thu hồi bằng chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Quyết định thu hồi bằng chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của trường mầm non được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của sở giáo dục và đào tạo.

Chương V

CÔNG NHẬN TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA VÀ CẤP BẰNG CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

Điều 37. Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

1. Trường mầm non được công nhận đạt chuẩn quốc gia khi có kết quả đánh giá ngoài đạt từ Mức 2 trở lên theo quy định tại Điều 7 của Quy định này.

2. Trường mầm non được công nhận đạt chuẩn quốc gia theo 02 (hai) mức độ sau:

a) Đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1: Trường được đánh giá đạt Mức 2;

b) Đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2: Trường được đánh giá đạt Mức 3 trở lên.

Điều 38. Hồ sơ công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

Hồ sơ công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia gồm:

1. Văn bản của trường mầm non đề nghị được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc trường phòng giáo dục và đào tạo được ủy quyền.

2. Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn đánh giá ngoài.

Điều 39. Cấp bằng công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo đề nghị Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định cấp Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia cho trường mầm non. Mẫu Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo Phụ lục II của Quy định này.

2. Bằng công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia có giá trị 05 (năm) năm. Nếu có nhu cầu được công nhận lại, ít nhất 9 tháng trước thời hạn hết giá trị của Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia, trường mầm non thực hiện lại quy trình đánh giá quy định tại Điều 22 của Quy định này. Việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia và hồ sơ công nhận lại thực hiện theo Điều 37 và Điều 38 của Quy định này.

3. Kết quả trường mầm non được công nhận đạt chuẩn quốc gia được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của sở giáo dục và đào tạo.

Điều 40. Thu hồi bằng công nhận trường chuẩn quốc gia

1. Trường hợp bằng công nhận trường mầm non chuẩn quốc gia còn thời hạn mà trường mầm non không còn đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Chương II của Quy định này thì Bằng công nhận trường chuẩn quốc gia bị thu hồi.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi có kết luận của cơ quan quản lý giáo dục khẳng định trường mầm non không còn đáp ứng các tiêu chuẩn đánh

giá, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định thu hồi Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia.

3. Quyết định thu hồi Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia của trường mầm non được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của sở giáo dục và đào tạo.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các trường mầm non đang thực hiện đánh giá, công nhận đạt chuẩn quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, thì được thực hiện tiếp quy trình kiểm tra, thẩm định và cấp Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia theo quy định hiện hành trong giai đoạn chuyển tiếp cho đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2018. Trong đó, việc tự kiểm tra, và đề nghị thẩm định kết quả chỉ thực hiện cho đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Các trường mầm non đang thực hiện đánh giá, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non thì được thực hiện tiếp quy trình kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành trong giai đoạn chuyển tiếp cho đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2018. Trong đó, việc tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài chỉ thực hiện cho đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Các trường mầm non đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, tương đương trường mầm non đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 của Quy định này; các trường mầm non đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 theo Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, tương đương trường mầm non đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 của Quy định này.

4. Các trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1, 2 và 3 theo Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, tương đương trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1, 2 và 3 của Quy định này.

Điều 42. Trách nhiệm của sở giáo dục và đào tạo

1. Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương lập kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục; lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; hướng dẫn, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra các phòng giáo dục và đào tạo, các trường mầm non thuộc quyền quản lý triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho các đơn vị, cá nhân thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

3. Giám sát, chỉ đạo các trường mầm non thuộc quyền quản lý thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng để không ngừng duy trì và nâng cao chất lượng.

4. Hằng năm tổ chức sơ kết, tổng kết về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra.

Điều 43. Trách nhiệm của phòng giáo dục và đào tạo

1. Tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục; lập kế hoạch xây dựng, đầu tư cho các trường mầm non trên địa bàn để đạt chuẩn quốc gia; hướng dẫn, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra các trường mầm non thuộc quyền quản lý triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

2. Giám sát, chỉ đạo các trường mầm non thuộc quyền quản lý thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng để không ngừng duy trì và nâng cao chất lượng.

3. Hằng năm tổ chức sơ kết, tổng kết về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân cấp huyện, sở giáo dục và đào tạo để được hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra.

Điều 44. Trách nhiệm của trường mầm non

1. Tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương lập kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường để đạt các tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non.

2. Tổ chức tự đánh giá theo quy trình tại Quy định này; đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn quốc gia khi xét thấy đảm bảo các tiêu chuẩn trường mầm non tại Quy định này.

3. Thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng đã đề ra trong báo cáo tự đánh giá, theo chỉ đạo của cơ quan quản lý trực tiếp và các khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài.

4. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, dữ liệu liên quan đến các hoạt động của nhà trường, các điều kiện cần thiết khác để phục vụ công tác đánh giá ngoài; phản hồi ý kiến về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài đúng thời hạn.

5. Duy trì và phát huy kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia để không ngừng nâng cao và cải tiến chất lượng./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phụ lục I
Mẫu Bằng chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục
(Kèm theo Thông tư số/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

29,7 cm	<p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p>BẰNG CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC</p> <p>GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH (THÀNH PHỐ)</p> <p>CÔNG NHẬN</p> <p>Trường</p> <p>Địa chỉ:</p> <p>Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ</p> <p>Bằng chứng nhận này có giá trị 05 năm, kể từ ngày ... tháng ... năm</p> <p style="text-align: right;">....., ngày ... tháng ... năm</p> <p>Quyết định số....ngày....tháng....năm....</p> <p>Vào sổ đăng ký:.....</p> <p style="text-align: right;">GIÁM ĐỐC</p>
---------	---

42 cm

Phụ lục II

Mẫu Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

(Kèm theo Thông tư số/TT-BGDĐT ngày.....tháng.....năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ)

CÔNG NHẬN

Trường.....

Địa chỉ:

Đạt chuẩn quốc gia Mức độ

Bằng công nhận này có giá trị 5 năm, kể từ ngày ... tháng ... năm

....., ngày ... tháng ... năm

CHỦ TỊCH

Quyết định số....ngày....tháng....năm....

Vào sổ đăng ký:.....

29,7 cm

42 cm